TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK GLEI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2025/QĐST- DS	*Đăk Glei, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2024/TLST – DS ngày 03 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố H

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phỉ Phan V– Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ, tỉnh K

Địa chỉ: Thôn 16/5 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K

- Bị đơn: Ông A B (chết ngày 30/3/2025) và bà Y M

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đăk K, huyện Đ, tỉnh K

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A B gồm: Bà Y M, chị Y N1, anh A T2, anh A T1 và chị Y N2

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Y T, chị Y N3

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, huyện Đ, tỉnh K

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:

Các đương sự công nhận bị đơn bà Y M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A B là bà Y M, chị Y N1, anh A Tổng, anh A T1 và chị Y N2 còn nợ nguyên đơn Ngân hàng N tính đến ngày 23/5/2025, với số tiền là 1.614.784.932 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1.350.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 257.794.521 đồng và lãi quá hạn là 6.990.411 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh tính từ ngày 24/5/2025 cho đến khi bị đơn bà Y M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A B là bà Y M, chị Y N1, anh A T2, anh A T1 và chị Y N2 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N.

Chậm nhất đến ngày 30/7/2025, bị đơn bà Y M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A B là bà Y M, chị Y N1, anh A T2, anh A T1 và chị Y N2 phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum toàn bộ số tiền nêu trên và lãi suất phát sinh tính từ ngày 24/5/2025 cho đến khi bị đơn bà Y M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A B là bà Y M, chị Y N1, anh A T2, anh A T1 và chị Y N2 thanh toán hết số nợ trên cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ, tỉnh K theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong Hợp đồng tín dụng số: 5106 – LAV – 202300531 ngày 10/4/2023 đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp, bị đơn bà Y M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A B là bà Y M, chị Y N1, anh A T2, anh A T1 và chị Y N2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận thì Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ, tỉnh K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 33, tại Thôn Đăk Wâk, xã Đăk Kroong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CM 780336, số vào sổ cấp GCN: CS06380 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 02/4/2018 cho ông A B và bà Y M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5106 –LCL-202200354 ngày 25/3/2022.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 22, 48, 01, 34 tờ bản đồ số 16, 14, 09 tại Thôn Đăk Wâk, xã Đăk Kroong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành P 119740, số vào sổ cấp GCN: 00119 do Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum cấp ngày 19/10/1999 cho hộ ông A B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5106 – LCL-202200355 ngày 25/3/2022.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn bà Y M và những người kế thừa quyền,

nghĩa vụ tố tụng của ông A B là bà Y M, chị Y N1, anh A T2, anh A T1 và chị Y N2 đối với nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn bà Y M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A B là bà Y M, chị Y N1, anh A T2, anh A T1 và chị Y N2 vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ, tỉnh K cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi phát sinh.

Nguyên đơn Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ, tỉnh K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn bà Y M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A B là bà Y M, chị Y N1, anh A T2, anh A T1 và chị Y N2 để thu hồi nợ.

2.3. Về án phí Dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147; Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Y M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A B là bà Y M, chị Y N1, anh A T2, anh A T1 và chị Y N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.222.000 đồng *(Ba mươi triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng)*.

Bị đơn bà Y M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A B là bà Y M, chị Y N1, anh A T2, anh A T1 và chị Y N2 phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ, tỉnh K số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ, tỉnh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.048.000 đồng *(Hai mươi chín triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0002484 ngày 03/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Glei;

THẨM PHÁN

- Chi cục THADS huyện Đăk Glei;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Đình Tài